

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

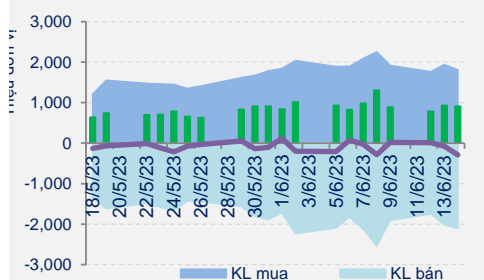
14/6/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

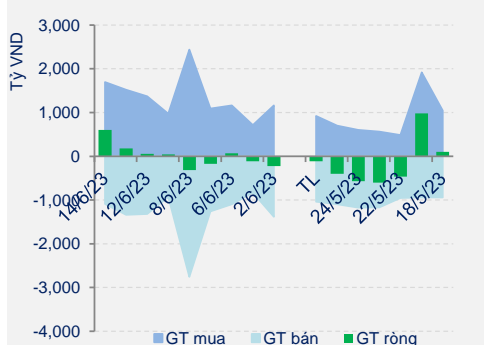
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,117.42	228.91
% Thay đổi	↓ -0.45%	↓ -0.58%
KLGD (CP)	912,109,118	127,344,742
GTGD (tỷ đồng)	17,120.55	2,018.86
Tổng cung (CP)	2,102,742,106	197,620,200
Tổng cầu (CP)	1,812,616,734	153,687,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,004,684	1,023,119
KL mua (CP)	61,110,984	2,544,920
GT mua (tỷ đồng)	1,696.81	38.54
GT bán (tỷ đồng)	1,092.23	28.11
GT ròng (tỷ đồng)	604.58	10.43

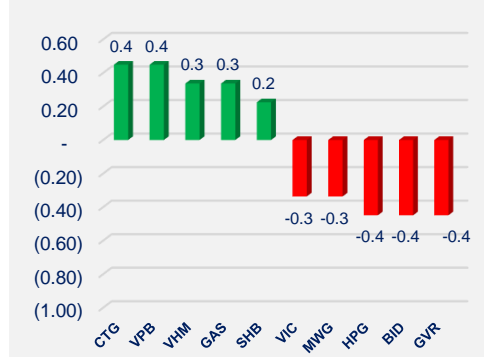
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp đà tăng phiên trước, đầu phiên giao dịch VN-INDEX tăng lên vùng 1.130 điểm sau đó áp lực bán gia tăng dần khi VN-INDEX trong vùng quá mua ngắn hạn, áp lực bán gia tăng với thanh khoản đột biến hơn trong phiên chiều dẫn đến kết phiên VN-INDEX giảm 5,04 điểm (-0,45%) về mức 1.117,42 điểm. HNX-INDEX giảm 1,34 điểm (-0,58%) về 228,91 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết trở nên tiêu cực hơn với áp lực bán áp đảo khi có tổng cộng 405 mã giảm giá (16 mã giảm sàn), 193 mã tăng giá (12 mã tăng trần) và 108 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.134,84 tỉ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình, với áp lực chốt lãi ngắn hạn gia tăng mạnh ở nhóm mã vốn hóa trung bình và nhỏ ở vùng giá quanh 1.125 điểm, đỉnh cũ tháng 01/2023 của VN-INDEX. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục mua mua ròng với giá trị gia tăng mạnh lên 604,58 tỉ đồng trên HOSE, gia tăng mua ròng đối với nhóm cổ phiếu thép, chứng khoán..., mua ròng trên HNX với giá trị 10,43 tỉ đồng.

Thông tin chỉ số CPI của Mỹ tăng 0,1% so với tháng trước trong tháng 05/2023, sau khi tăng 0,4% trong tháng 4, CPI đã tăng 4,0% trong tháng 5, mức tăng hàng năm nhỏ nhất kể từ tháng 3/2021 đã cải thiện tâm lý của thị trường trong phiên sáng. Tuy nhiên VN-INDEX đã đảo chiều giảm điểm sau 03 phiên tăng liên tiếp với nhiều mã chịu áp lực chốt lãi mạnh điển hình như trong nhóm bất động sản với QCG (-6,64%), ITC (-5,76%), DRH (-4,90%), LDG (-4,36%), TDC (-4,35%), PDR (-4,24%),... ngoài một số mã vẫn tăng giá như NLG (+1,64%), VHM (+0,53%)...

Nhóm cổ phiếu khu công nghiệp nhiều mã cũng chịu áp lực bán mạnh với thanh khoản gia tăng như DTD (-4,81%), VGC (-3,98%), TIP (-3,27%), ITC (-2,97%), IDC (-2,52%)... Nhóm cổ phiếu thủy sản, nông nghiệp đa số cũng chịu áp lực tương tự với thanh khoản trên mức trung bình như ACL (-6,72%), IDI (-3,46%), CMX (-2,91%), ANV (-2,71%).. BAF (-1,29%), TAR (-1,27%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng phân hóa hơn, có tính chất giữ nhịp thị trường với mức giảm điểm của VN30 ít hơn so với thị trường chung, đa số chịu áp lực điều chỉnh như VAB (-3,49%), EIB (-1,86%), MSB (-1,53%), STB (-1,53%)... ngoài các mã tăng giá như NAB (+3,08%), SHB (+2,45%), CTG (+1,415%), VPB (+1,28%)....

Các mã trong các nhóm ngành khác hầu hết đều chịu áp lực bán, điều chỉnh ngắn hạn, trong đó nhóm cổ phiếu cảng biển, logistics vẫn có VSC (+6,17%) tăng giá mạnh với khối lượng cao nhất lịch sử, DVP (+4,35%), ngoài ra đa số điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình như DXP (-3,70%), HAH (-2,04%), VOS (-1,60%), GMD (-0,98%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 giảm -3,4 điểm (-0,30%), mức chênh lệch gia tăng lên 1,50 điểm so với VN30 và sẽ đáo hạn trong phiên tiếp theo, ngày 15/06/2023. Các vị thế mới đang dịch chuyển sang kỳ hạn VN30F2307 với mức chênh lệch thu hẹp xuống còn -1,50 điểm. VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp chênh lệch xuống còn từ -10,60 điểm đến -14,80 điểm. Cho thấy các trader vẫn đang lạc quan về xu hướng ngắn hạn của VN30, gia tăng vị thế mua cơ sở ở VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn trên thị trường phái sinh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường đã điều chỉnh trở lại phiên hôm nay khi VnIndex vẫn đang trong khu vực kháng cự quanh 1.120 điểm, diễn biến đã được chúng tôi đề cập trong bản tin trước. Với phiên điều chỉnh hôm nay, có thể thị trường sẽ có thêm các phiên rung lắc tiếp theo với vùng hỗ trợ gần là nền tích lũy ngắn quanh khu vực 1.100 điểm. Tuy nhiên, với nền tảng tích lũy tốt chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm quay lại tăng điểm và hướng tới vùng 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau 2 phiên tăng mạnh và vượt qua mốc 1.120 điểm, VnIndex đã điều chỉnh trở lại khi áp lực bán cuối phiên tăng mạnh, chốt phiên VnIndex đóng cửa ở 1.117,42 điểm, giảm -5,04 điểm (-0,46%). Như đã nhận định, thị trường sẽ có những rung lắc, điều chỉnh tại vùng kháng cự quanh 1.120 điểm cũng là đường giá trung bình MA200 trên đồ thị tuần và diễn biến này là bình thường mang tính tích cực.

Xu hướng ngắn hạn của VN-Index sau phiên hôm nay vẫn duy trì mức tích cực với những nền tảng tích lũy hình thành liên tiếp trên sóng hồi và mục tiêu của chỉ số sau đợt điều chỉnh vẫn sẽ quanh 1.150 điểm. Xu hướng trung – dài hạn của thị trường cũng đang duy trì khi chỉ số tích lũy trong khu vực rộng 1.000 điểm – 1.150 điểm và nếu có các điều kiện vĩ mô, dòng tiền thuận lợi ủng hộ thì sẽ mở ra khả năng tạo Uptrend mới dù vẫn còn khá sớm để đề cập tới ở thời điểm hiện tại.

Các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để mua vào các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực. Nhà đầu tư trung và dài hạn sau khi đã cơ cấu được danh mục hợp lý như khuyến nghị có thể tận dụng các giai đoạn điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng. Mục tiêu giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

14/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
KBC	27.70	25.5-27.5	34-35	25	10.6	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	23.40	22.5-23.8	26.5-27.5	22	497.9	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	17.90	16-17	20.5-21	15	21.6	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	43.20	38-39	48-49	37	4.2	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	26.10	25-26.6	30-31	23	17.2	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	12.90	12.5-13.2	15-15.5	12	16.1	33.6%	-79.2%	Theo dõi chờ giải ngân
LPB	14.85	14-14.6	16.3-16.8	13	5.6	0.0%	-12.5%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	32.50	26.4	34-36	31	23.11%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.00	18	24-26	23	27.78%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	48.45	40	52-54	46	21.13%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	30.50	25.1	33-34	29	21.51%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	13.10	9.08	13.5-14.2	12.3	44.27%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	12.30	11	14.5-15.5	12	11.82%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.35	12.75	18-18.5	12.8	4.71%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	57.30	54.8	65-67	57	4.56%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	27.70	28.05	34-35	26	-1.25%	Nắm giữ

TIN DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp Đức đầu tư nhà máy sản xuất khí công nghiệp hơn 3.100 tỷ đồng ở một tỉnh miền Trung

Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đã có Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với Công ty Messer SE & Co. KgaA (Đức) thực hiện dự án Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer - Quảng Ngãi tại Khu công nghiệp Phía Đông, Khu kinh tế Dung Quất.

Lạm phát của Mỹ giảm xuống mức thấp nhất trong hai năm

Hôm thứ Ba (13/6), dữ liệu cho thấy lạm phát của Mỹ đã chậm lại trong tháng 5 xuống mức thấp nhất trong 2 năm, chủ yếu là do giá năng lượng giảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã tăng 4% trong tháng 5 so với cùng kỳ năm trước, giảm từ mức 4,9% trong tháng 4 và thấp hơn mức dự kiến là 4,1%. Đây là mức tăng thấp nhất kể từ tháng 3/2021 và giảm đáng kể so với mức cao nhất trong kỷ nguyên đại dịch là 9,1% vào tháng 6/2022, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu 2% của Fed.

Nhiều dự án điện chậm so với quy hoạch, Việt Nam đứng trước rủi ro tăng phụ thuộc nền kinh tế khác

Theo Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương, TS Nguyễn Đức Hiền, yêu cầu nhập khẩu năng lượng ngày càng lớn là một vấn đề trong tình hình phát triển của ngành công nghiệp năng lượng Việt Nam vì việc này làm giảm khả năng tự chủ về năng lượng, tăng sự phụ thuộc vào các nền kinh tế khác.

Nhật Bản tăng giá điện cao nhất lên tới 42%

Chính phủ Nhật Bản đã cho phép 7 công ty điện lực lớn nhất cả nước tăng giá điện sinh hoạt kể từ tháng 6, tăng từ 14-42% tùy từng khu vực. Các công ty điện lực ở Nhật Bản đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu khi chi phí nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch phi mã trong năm ngoái. Tuy nhiên, việc tăng giá điện sẽ kéo theo giá cả của các mặt hàng khác tăng theo, tác động tới lạm phát ở nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới.



TIN VĨ MÔ

Doanh thu Petrovietnam vượt 20% kế hoạch dù giá dầu giảm sâu

Giá dầu thô trung bình tháng 5/2023 giảm 11% so với trung bình tháng 4 và giảm 7% so với trung bình quý I/2023, giảm 33% so với cùng kỳ năm 2022. Dù vậy, với nỗ lực gia tăng sản xuất, Petrovietnam đã hoàn thành vượt mức cao kế hoạch SXKD. Cụ thể, sản lượng khai thác khí tháng 5/2023 của Petrovietnam đạt 0,75 tỷ m³, vượt 27,6% KH tháng, tăng 2,8% so với thực hiện tháng 4/2023, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2022; tính chung 5 tháng đạt 3,44 tỷ m³, vượt 21,8% KH 5 tháng .

Cảng Đình Vũ (DVP) chi 200 tỷ trả cổ tức 50% bằng tiền mặt

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ (DVP) vừa thông qua việc chia cổ tức đợt hai năm 2022 bằng tiền mặt. Cụ thể, mức chia cổ tức đợt 2 năm 2022 là 50% vốn điều lệ (1 cổ phiếu được nhận 5000 đồng), phương thức chia bằng tiền mặt và thời gian chi trả trong tháng 7/2023. Hiện Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đang có 40 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính, DVP phải chi 200 tỷ đồng để chi trả cổ tức đợt này.

ACB muốn chi tối đa 10,000 tỷ đồng mua lại trước hạn trái phiếu

HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu (HOSE: ACB) vừa thông qua quyết định phê duyệt phương án mua lại trước hạn trái phiếu phát hành riêng lẻ lần 4 năm 2021. Tổng mệnh giá mua lại tối đa 10,000 tỷ đồng. Bốn lô trái phiếu được mua lại trước hạn đều là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và không phải là nợ thứ cấp của ACB.

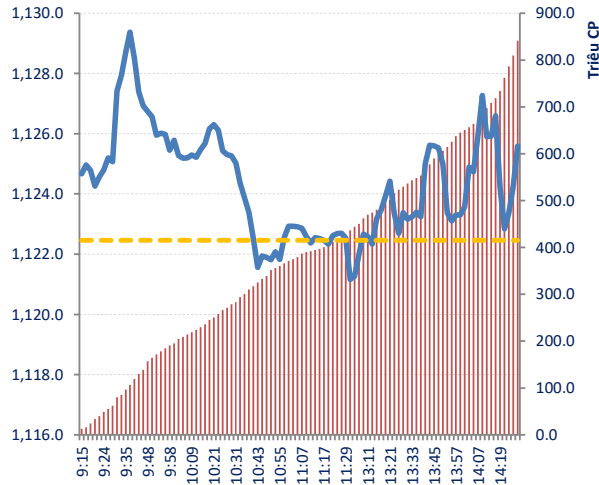
Bamboo Airways lỗ ròng 17.6 ngàn tỷ đồng năm 2022, âm vốn chủ sở hữu

Năm 2022, CTCP Hàng không Tre Việt (Bamboo Airways) lỗ ròng 17.6 ngàn tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu 835 tỷ đồng. Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, Bamboo Airways ghi nhận doanh thu thuần 11.7 ngàn tỷ đồng, gấp 3.3 lần so với cùng kỳ, nhưng vẫn lỗ gộp 3.2 ngàn tỷ đồng. Mức lỗ gộp này còn cao hơn của Vietnam Airlines (lỗ 2,625 tỷ) và Vietjet (lỗ 1,993 tỷ).

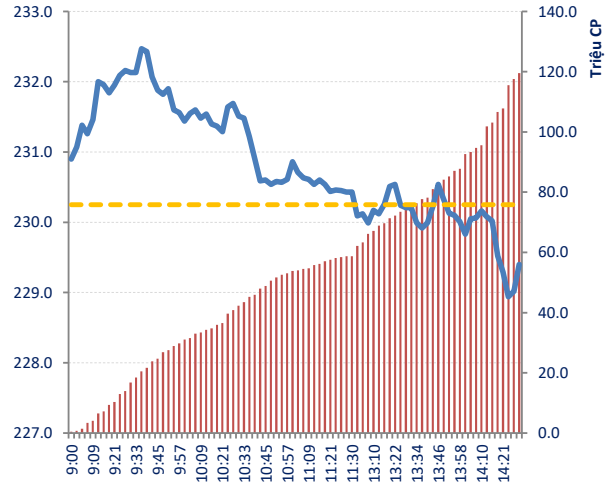


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

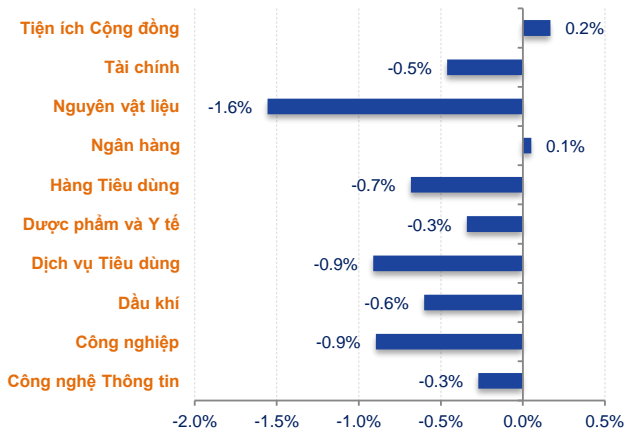
KLGD và VN-Index trong phiên



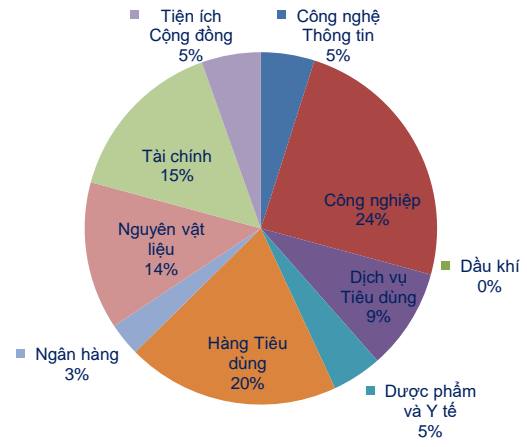
KLGD và HNX-Index trong phiên



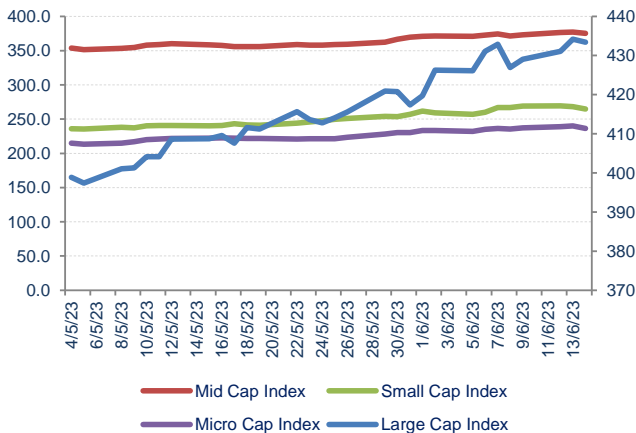
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



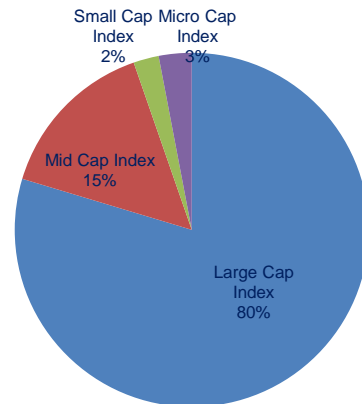
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	8,801,800	VPB	4,763,000
2	VND	4,215,300	VNM	1,670,100
3	HSG	4,117,200	CII	1,210,100
4	SSI	3,723,500	TPB	1,028,200
5	CTG	2,588,000	DXG	487,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	2,011,680	PVS	616,100
2	TNG	236,849	NVB	99,995
3	IDC	63,500	VHL	80,200
4	PVG	45,000	VCS	46,400
5	PLC	30,500	BVS	40,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.25	12.55	↑ 2.45%	51,910,700
VND	18.65	18.70	↑ 0.27%	38,885,500
NVL	15.60	15.20	↓ -2.56%	38,797,000
VPB	19.50	19.75	↑ 1.28%	31,849,000
SSI	25.35	25.40	↑ 0.20%	26,345,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	13.50	13.30	↓ -1.48%	25,288,847
HUT	18.60	18.50	↓ -0.54%	7,984,701
PVS	30.90	30.50	↓ -1.29%	7,616,507
MBS	18.50	18.60	↑ 0.54%	7,245,422
CEO	25.60	25.20	↓ -1.56%	5,235,718

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	4.30	4.60	0.30	↑ 6.98%
AGM	5.93	6.34	0.41	↑ 6.91%
ADG	34.50	36.85	2.35	↑ 6.81%
HVX	3.52	3.76	0.24	↑ 6.82%
L10	19.25	20.55	1.30	↑ 6.75%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SIC	31.20	34.30	3.10	↑ 9.94%
SDU	44.40	48.80	4.40	↑ 9.91%
DNC	39.70	43.60	3.90	↑ 9.82%
BNA	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%
BXH	13.80	15.10	1.30	↑ 9.42%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EVG	7.87	7.32	-0.55	↓ -6.99%
PNC	9.99	9.30	-0.69	↓ -6.91%
DLG	3.36	3.13	-0.23	↓ -6.85%
TLD	5.26	4.90	-0.36	↓ -6.84%
KMR	4.54	4.23	-0.31	↓ -6.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPH	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%
HAD	19.20	17.30	-1.90	↓ -9.90%
GDW	42.20	38.10	-4.10	↓ -9.72%
TMX	11.40	10.30	-1.10	↓ -9.65%
C69	8.30	7.50	-0.80	↓ -9.64%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	51,910,700	18.7%	2,610	4.7	0.8
VND	38,885,500	4.1%	487	38.3	1.6
NVL	38,797,000	1.8%	414	37.6	0.7
VPB	31,849,000	11.8%	1,796	10.9	1.2
SSI	26,345,900	6.9%	1,035	24.5	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	25,288,847	2.1%	224	60.2	1.2
HUT	7,984,701	1.3%	146	127.4	1.7
PVS	7,616,507	5.6%	1,498	20.6	1.1
MBS	7,245,422	10.5%	1,241	14.9	1.5
CEO	5,235,718	7.5%	1,057	24.2	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	↑ 7.0%	0.1%	11	392.4	0.4
AGM	↑ 6.9%	-35.9%	(8,996)	-	0.3
ADG	↑ 6.8%	15.2%	2,225	15.5	2.3
HVX	↑ 6.8%	0.4%	38	93.8	0.3
L10	↑ 6.8%	6.9%	1,775	10.8	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SIC	↑ 9.9%	16.9%	3,704	8.4	1.5
SDU	↑ 9.9%	0.5%	92	483.8	2.5
DNC	↑ 9.8%	32.5%	4,633	8.6	2.9
BNA	↑ 9.5%	10.9%	1,865	6.8	0.7
BXH	↑ 9.4%	3.5%	649	21.3	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	8,801,800	0.7%	114	204.9	1.4
VND	4,215,300	4.1%	487	38.3	1.6
HSG	4,117,200	-9.7%	(1,761)	-	1.0
SSI	3,723,500	6.9%	1,035	24.5	1.7
CTG	2,588,000	15.9%	3,548	8.0	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,011,680	2.1%	224	60.2	1.2
TNG	236,849	17.8%	2,884	6.9	1.3
IDC	63,500	34.3%	6,675	6.5	2.3
PVG	45,000	3.4%	465	19.6	0.7
PLC	30,500	9.8%	1,558	23.3	2.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	485,083	23.2%	6,533	15.7	3.4
VHM	246,893	24.9%	8,269	6.9	1.5
BID	224,346	19.7%	3,972	11.2	2.0
VIC	206,334	5.1%	1,800	30.1	1.5
GAS	179,911	24.1%	7,689	12.2	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,769	5.6%	1,498	20.6	1.1
IDC	14,421	34.3%	6,675	6.5	2.3
THD	14,000	4.0%	672	59.5	2.3
KSF	11,850	4.9%	1,094	36.1	1.7
BAB	11,835	9.6%	1,140	12.5	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.70	-0.4%	(48)	-	0.5
TTB	3.25	0.3%	27	115.1	0.3
QCG	3.23	0.3%	49	245.5	0.8
DPG	2.57	15.4%	5,264	6.6	1.0
VND	2.39	4.1%	487	38.3	1.6

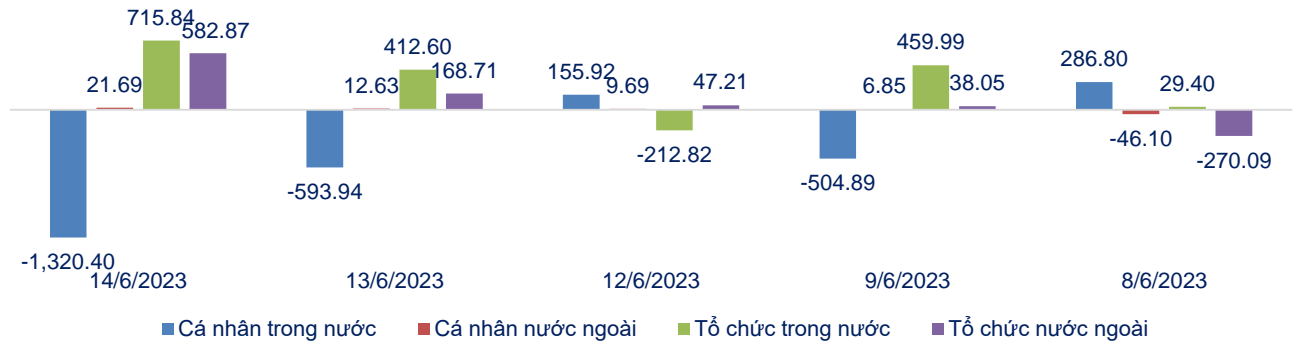
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AAV	2.85	-0.2%	(27)	-	0.6
IPA	2.80	-5.9%	(1,066)	-	1.0
FID	2.80	0.0%	1	5,160.0	0.4
API	2.78	8.2%	921	16.1	1.3
VC7	2.70	2.4%	262	73.6	1.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	104.72	23.5%	3,881	17.4	4.1
CII	68.07	1.1%	362	48.5	0.5
NVL	23.81	1.8%	414	37.6	0.7
CTG	21.95	15.9%	3,548	8.0	1.2
REE	15.89	14.7%	6,708	9.4	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-245.87	0.7%	114	204.9	1.4
ACB	-183.68	25.4%	3,742	5.8	1.3
SSI	-179.78	6.9%	1,035	24.5	1.7
VND	-119.59	4.1%	487	38.3	1.6
MSN	-87.79	5.9%	1,537	51.3	3.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	5.59	2.2%	276	76.0	1.6
FUEVFVND	4.50	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	3.68	11.2%	2,620	10.6	1.1
TPB	3.14	20.3%	2,884	6.3	1.2
VHM	2.53	24.9%	8,269	6.9	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-5.12	6.9%	1,035	24.5	1.7
HSG	-1.55	-9.7%	(1,761)	-	1.0
ITA	-1.38	-1.7%	(192)	-	0.6
CTG	-0.97	15.9%	3,548	8.0	1.2
TV2	-0.79	5.3%	1,064	29.0	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	183.68	25.4%	3,742	5.8	1.3
VPB	88.04	11.8%	1,796	10.9	1.2
SSI	84.09	6.9%	1,035	24.5	1.7
VSC	55.72	8.1%	2,115	14.2	1.2
STB	51.33	14.9%	3,006	9.4	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-96.28	15.9%	3,548	8.0	1.2
CII	-47.36	1.1%	362	48.5	0.5
KDH	-41.21	8.6%	1,405	21.8	1.9
NVL	-20.38	1.8%	414	37.6	0.7
REE	-15.89	14.7%	6,708	9.4	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	204.86	0.7%	114	204.9	1.4
SSI	100.81	6.9%	1,035	24.5	1.7
VND	79.61	4.1%	487	38.3	1.6
CTG	75.30	15.9%	3,548	8.0	1.2
HSG	71.48	-9.7%	(1,761)	-	1.0

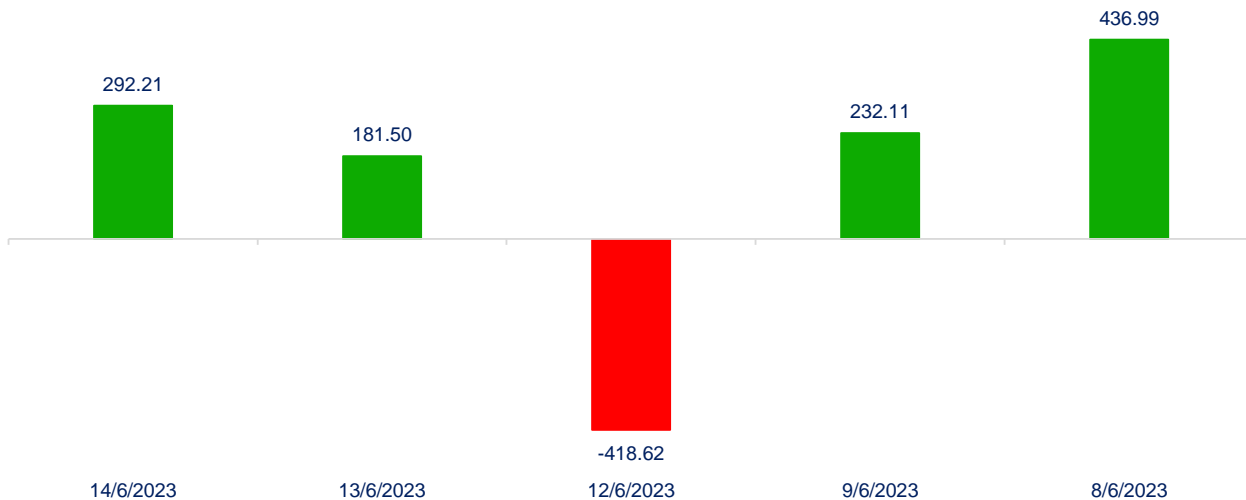
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-114.47	23.5%	3,881	17.4	4.1
VPB	-95.58	11.8%	1,796	10.9	1.2
TPB	-21.92	20.3%	2,884	6.3	1.2
CII	-20.72	1.1%	362	48.5	0.5
VCB	-15.69	23.2%	6,533	15.7	3.4

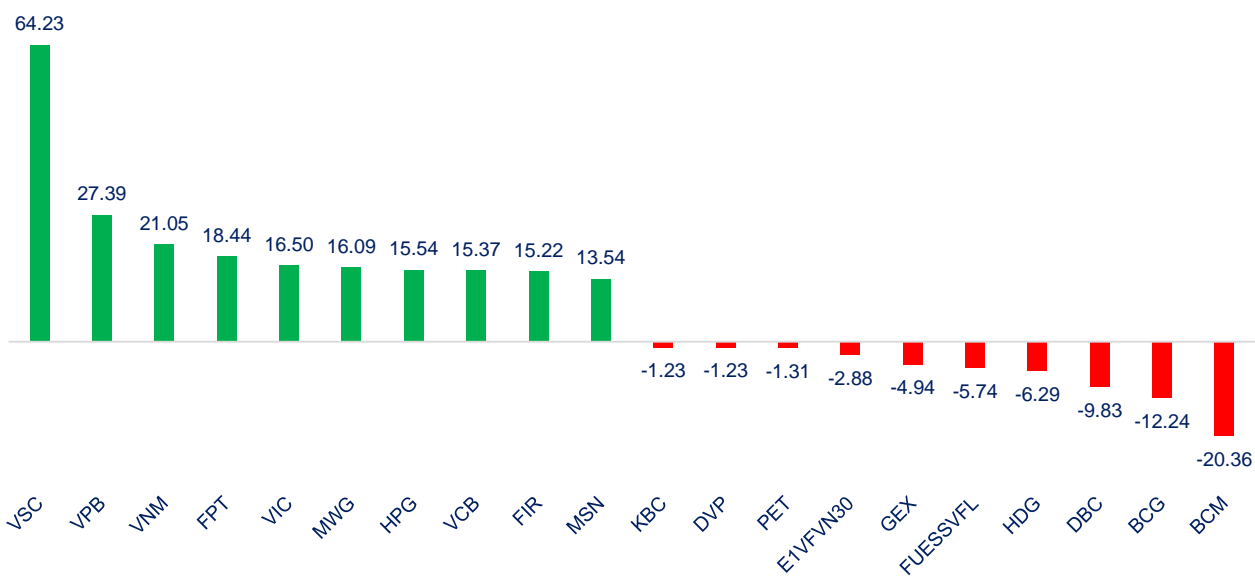


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn